TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 27 – 02 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Phạm Thị Hương

Ông Trịnh Văn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 379/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài P – Trưởng phòng kinh doanh khách hàng Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V; địa chỉ: Số D đường N, khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn T năm: 1970Địa chỉ: Số D, Ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H năm: 1967Địa chỉ: Số D, Ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2023 (BL01-02) của nguyên đơn Ngân hàng N cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoài P trình bày:

Ngày 19/03/2020Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V với ông Trương Văn T1 kết Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202000348Theo Hợp đồng, Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V, Sóc Trăng cho ông Trương Văn T2 tiền 200.000.000(Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng Mục đích vay: Nuôi tôm.suất 10,5năm; thanh toán trả lãi hàng quý, trả nợ

gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 thángĐể bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông Trương Văn T3 Lê Thị H1 nguyện giao cho Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V, Sóc Trăng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Không ký kết hợp đồng thế chấp tài sản) 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0629780có diện tích MERGEFIELD "DTÍCH_1" 19.967^2 (loại đất:1Lthửa số 154tờ bản đồ số 04tọa lạc tại Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng)do Ủy ban nhân dân huyện V (Nay là UBND thị xã V) cấp cho Hộ ông Trương Văn T4

Tính đến hết ngày 27/02/2024tổng nợ của ông Trương Văn T3 Lê Thị H2 tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V, Sóc Trăng là: 304.280.822 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 200.000.000ng (hai trăm triệu đồng); Nợ lãi trong hạn: 73.356.164 đồng (bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng); Nợ lãi quá hạn: 30.924.658 đồng (ba mươi triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn T5 và bà Lê Thị H3 liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 27/02/2024 là 304.280.822 đồng (ba trăm lẽ bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 200.000.000ng (hai trăm triệu đồng); Nợ lãi trong hạn: 73.356.164 đồng (bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng); Nợ lãi quá hạn: 30.924.658 đồng (ba mươi triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng), buộc ông Trương Văn T3 ÊN_QUAN_1" Lê Thị H3 tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202000348ngày 19/03/2020kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 28/02/2024 cho đến ngày thực tế ông Trương Văn T3 Lê Thị H4 hết nợ gốc cho Ngân hàng N.

Lời trình bày của bị đơn ông Trương Văn T5 tại phiên hòa giải ngày 14/12/2023 (BL28-29): Ông T5 thống nhất với phía nguyên đơn khởi kiện, thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng về để nuôi tôm đúng như phía Ngân hàng khởi kiện, hiện nay vợ chồng ông T5 còn nợ Ngân hàng số tiền 297.808.219 đồng (tạm tính đến ngày 14/12/2023) do nuôi tôm bị thất nên mới không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng; hiện nay hoàn cảnh gia đình cũng khó khăn, ông T5 đi làm thuê hàng ngày để kiếm sống nên chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng được, hẹn Ngân hàng năm sau gia đình ông T5 nuôi tôm nếu trúng sẽ trả từ từ cho Ngân hàng chứ hiện nay gia

đình không có khả năng trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H5 vắng mặt tại các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn ông Trương Văn T5 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H5, nhưng ông T5, bà H5 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trương Văn T5 và bà Lê Thị H5 theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng N có ký Hợp đồng tín dụng 606LAV202000348 ngày 19 tháng 3 năm 2020 với bên vay ông Trương Văn T5, mục đích vay để nuôi tôm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T5 trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T5 có nghĩa vụ thực hiện trả tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng N với bị đơn ông Trương Văn T5 là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N về việc yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/02/2024) là 304.280.822 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 200.000.000ng (hai trăm triệu đồng); Nợ lãi trong hạn: 73.356.164 đồng (bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng); Nợ lãi quá hạn: 30.924.658 đồng (ba mươi triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

[4.1] *Xét Hợp đồng tín dụng số* 7606LAV202000348*ngày 19 tháng 3 năm 2020 Hội đồng xét xử thấy*: Theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 19/3/2020 và giấy nhận nợ đề ngày 19/3/2020 ông T5 nhận tiền vay của Ngân hàng là 200.000.000

đồng, thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 10,5%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc ông T5 thực hiện trả nợ gốc và lãi, nhưng ông T5 vẫn không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các đương sự, các đương sự thừa nhận không ai phản đối tình tiết đã giao kết Hợp đồng, cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay để nuôi tôm là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Mặc dù bà H5 không có ký vào Hợp đồng tín dụng nhưng ông T5 vay tiền Ngân hàng về để nuôi tôm kiếm lời nhằm để sinh hoạt chung trong gia đình và bà H5 khi được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng không có ý kiến, mặc nhiên bà H5 đã thừa nhận. Nên căn cứ theo khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, buộc ông Trương Văn T5 và bà Lê Thị H5 cùng liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử (27/02/2024) là 304.280.822 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 28/02/2024 cho đến khi trả hết nợ vay và các nghĩa vụ tương ứng khác là có căn cứ để chấp nhận.

[4.2] *Đối với nợ lãi*: Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202000348ngày 19 tháng 3 năm 2020 có lãi suất thỏa thuận 10,5%/năm, đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T5 vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị Ngân hàng xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T5 phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Hoài P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trương Văn T5 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H5 có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/02/2024) với số tiền là 304.280.822 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 200.000.000ng (hai trăm triệu

đồng); Nợ lãi trong hạn: 73.356.164 đồng (bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng); Nợ lãi quá hạn: 30.924.658 đồng (ba mươi triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) và xin rút lại yêu cầu xử lý kê biên tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Trương Văn T5 tự nguyện giao cho Ngân hàng N Chi nhánh thị xã V, Sóc Trăng giữ để thu hồi nợ là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Đối với bị đơn yêu cầu Ngân hàng để gia đình ông T5 nuôi tôm khi nào trúng tôm sẽ thanh toán nợ từ từ cho Ngân hàng nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị đơn giao cho Ngân hàng giữ làm tin, nhưng bị đơn cũng không có yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ngân hàng đang giữ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 28/02/2024) bị đơn ông Trương Văn T5 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H5 còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202000348ngày 19 tháng 3 năm 2020 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trương Văn T5 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H5 phải liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7; khoản 2 Điều 8; Điều 10; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11- 01 - 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn ông Trương Văn T5.

Buộc bị đơn ông Trương Văn T5 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H5 cùng liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng N, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/02/2024) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 200.000.000ng (hai trăm triệu đồng);

- Nợ lãi trong hạn: 73.356.164 đồng (bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng);

- Nợ lãi quá hạn: 30.924.658 đồng (ba mươi triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Tổng cộng: 304.280.822 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng)

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 28/02/2024) ông Trương Văn T5 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H5 còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7606LAV202000348ngày 19 tháng 3 năm 2020 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bị đơn ông Trương Văn T5 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H5 phải liên đới chịu án phí là 15.214.041 đồng (mười lăm triệu hai trăm mười bốn nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.287.705 đồng (bảy triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm lẻ năm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000343, ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng